

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Tập 72**

**Chủ giảng: Pháp Sư Tịnh Không**

**Chuyên ngữ: Nguyễn Thanh**

**Biên tập: Bình Minh**

**Giảng ngày: 7.7.2010**

**Địa Điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_Hong Kong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin an tọa. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” hai hàng cuối cùng trang 62.

*Át. Đồng loại, phạm xướng đạo ức niệm Di Đà nguyện sanh Cực Lạc chi kinh điển quân thuộc đồng loại, kỳ trung diệc hữu thân sơ, dĩ trì danh niệm Phật vi thân, kỳ tha vi sơ.*

Trước nói rõ, cùng một bản kinh ngoài đồng bộ ra còn có đồng loại. Dưới đây Hoàng lão cư sĩ nêu ra cho chúng ta thấy.

Bộ thứ nhất trong đồng loại “*Phật thuyết quán Vô Lượng Thọ Kinh*”, kinh này cùng với 2 kinh Đại bản, Tiểu bản ở trên gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh, là kinh điển quan trọng nhất của Tịnh Độ tông, gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh.

“*Nãi Tịnh Tông cơ bản kinh điển cụ đàm thập lục diệu môn*”. tức là 16 pháp quán, “*khuyến đạo quán tượng niệm Phật dữ trì danh niệm Phật*”. ‘Thập Lục Quán kinh’ là 1 bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh Độ tông, chúng ta có thể nhận định như vậy.

“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh” là khái luận Tịnh Độ tông, từ các phương diện đến giới thiệu pháp môn này, kinh A Di Đà là bản kinh nhỏ, rất tiện để thọ trì, cho nên hơn 1000 năm nay, người tu Tịnh Độ đều đem bản kinh này làm thành khóa tụng buổi sáng và tối, vô cùng giản đơn, đây là từ bi vô lượng của đức Thế Tôn, đích thực cho chúng ta 1 pháp môn, 1 phương pháp rất dễ tu học.

‘Thập Lục Quán kinh’ tức là Vô Lượng Thọ Phật kinh, trong kinh giảng về 16 loại quán pháp, trong đó có quán tượng niệm Phật, có quán tượng niệm Phật, có trì danh niệm Phật. Cuối cùng quán thứ 16 là trì danh niệm Phật, càng ở sau cùng, pháp môn này càng quan trọng. Thời xưa Trung Quốc và Ấn Độ đều có quan điểm này, cái tốt nhất, cái thù thắng nhất là đặt ở sau cùng. Trong biểu diễn văn nghệ như tuồng hát, vở kịch hay nhất thường xếp ở sau cùng, khiến khán giả càng xem càng có hứng thú. Nếu như vở kịch hay nhất diễn trước, xem xong rồi, vở sau không bằng vở trước thì mọi người không xem mà bỏ đi, cái hay nhất nên xếp ở sau cùng.

Vậy chúng ta hiểu rằng trong 16 quán, đem trì danh niệm Phật xếp ở sau cùng, như thế biết được phương pháp tu học của Tịnh Độ tông, trên thực tế trì danh thù thắng hơn quán tưởng và quán tượng. Vì sao vậy? những kinh này trước đây tôi đã giảng qua rồi. Khi tôi học quán kinh, đã từng hỏi thầy Lý, hỏi ông ấy về quán tưởng, quán tượng trong 16 quán, còn thật tướng niệm Phật thì chưa đề cập đến.

Quán tưởng có 14 loại, Trí Giả đại sư đời nhà Đường tu quán tưởng Niệm Phật mà được vãng sanh, cho nên pháp môn này cũng được truyền đến Hàn quốc và Nhật Bản. Ở Trung Quốc tu pháp môn quán tưởng không nhiều, tôi hỏi Thầy tại sao như vậy? Thầy nói với tôi rằng, vì quán tưởng không dễ thành tựu! ví dụ quán thứ nhất, quán tưởng mặt trời, cái gì gọi là thành tựu? bạn mở mắt nhìn buổi hoàng hôn mặt trời xuống núi, vậy thì mặt trời ở trước mặt quý vị, quý vị thật sự nhìn thấy được, khi nhắm mắt lại, cảnh tượng này cũng ở trước mặt bạn, thử xem đến lúc nào bạn mới quán thành được? thật sự quán thành rồi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc Tây Phương, thì phải đem các thứ này bỏ đi, không đem nó bỏ đi, không đem nó bỏ đi thì ta chấp tướng rồi “phạm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” quý vị phải bỏ nó đi, bỏ các thứ này đi thành tựu hơn quán tưởng, khỏi phải mất công, khỏi phải khó khăn.

Thầy nói, niệm Phật tốt, niệm Phật chỉ cần 1 câu danh hiệu, muốn buông bỏ thì rất đơn giản, buông bỏ dễ hơn quán tưởng nhiều. Thiết nghĩ cũng có lý, cho nên cần ghi nhớ, câu nói này trong kinh là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung, phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng.

Tại sao bảo ta phải tu quán? Nghĩa là bảo ta phải đem các tạp niệm khác trừ bỏ đi, giống như chúng ta nhứt tâm xưng niệm, nhứt tâm này mới có thể vãng sanh, nhưng không phải nói là nhứt tâm bất loạn, nhứt tâm bất loạn đương nhiên là phẩm vị cao rồi. Sự nhất tâm bất loạn sanh Phương Tiện Độ, lý nhứt tâm bất loạn sanh Thật Báo Độ. Chúng ta ngày nay là người mới học đạo, có thể sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ đã là thành công rồi, cho nên đại sư Ngẫu Ích ở trong Yếu Giải khuyên chúng ta, đại sư lấy bản thân mình làm ví dụ: tôi một đời cầu sanh Tịnh Độ chỉ hi vọng được vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm thì tôi đã rất hài lòng rồi, đây là Ngài thị hiện cho chúng ta xem, vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm không khó. Đại sư Thiện Đạo nói “vạn tu vạn nhân khứ”, một người cũng không sót lại.

Niệm pháp như thế nào? Vẫn là cần nhứt tâm xưng niệm, điều này cũng rất quan trọng, tức là khi niệm Phật không để vọng tưởng xen lẫn, không thể có vọng niệm, đây gọi là nhứt tâm, khi đạt được nhứt tâm, không nghi ngờ, không xen lẫn, gọi là nhứt tâm. Cho nên thật sự muốn cầu sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, chúng ta nhất định phải biết thế giới này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà khuyên chúng ta, tất cả chư Phật trong 10 phương 3 đời đều dị khẩu đồng âm khuyên chúng ta, nếu không phải hết sức thù thắng, thì Phật có khuyên chúng ta không? Cơ hội khó gặp! chúng sanh

ngu si cho rằng pháp môn này đơn giản, đại khái không cao siêu lắm, cần cầu pháp môn khác, cho rằng pháp môn khác cao siêu hơn pháp môn này, vậy là sai rồi, càng thù thắng càng đơn giản, cổ kim trong ngoài đều không ngoại lệ, đơn giản nhất là tối thắng nhất.

Ở trước trong phần khái yếu đã giảng tường tận rồi. Trì danh niệm Phật là xưng tánh khởi tu. Lấy quả địa giác của Như Lai làm nhân địa tâm của chúng ta, nhân quả không hai, điều này quá thù thắng. Chúng ta nhất tâm hướng đến thì có thể buông bỏ thế gian, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần trong thế gian này, như người xưa đã nói, đây là mùi vị của thế gian, thông thường mọi người tham luyến, vị thế gian không đậm bằng pháp vị! đậm nhất trong vị pháp là trì danh niệm Phật. Tại sao bạn niệm không được? trì danh mà không thưởng thức được mùi vị của pháp, không thưởng thức được mùi vị, vì thế quý vị thoái tâm. Tại sao không thưởng thức được mùi vị của pháp? Vì khi niệm Phật có nghi ngờ có xen tạp, nghi ngờ pháp môn này có phải là thù thắng nhất hay không? Pháp môn này có thật hay không? Tôi có thật được vãng sanh không? Thật có thể giới Cực Lạc không? do nghi ngờ, hoài nghi.

Điều thứ hai là tham luyến danh văn lợi dưỡng của thế gian không bỏ được. Cho nên quý vị siêng năng niệm Phật, nếu niệm bao nhiêu năm mà không đạt được pháp hỷ, mà không nếm được pháp vị, thì nguyên nhân ở chỗ này.

Đề kinh của “Vô Lượng Thọ kinh” hay, nửa đoạn trên là nói về quả báo, nửa đoạn dưới nói về tu nhân. Ta tu như thế nào? Tu nhân nói đến 5 chữ “thanh tịnh bình đẳng giác”, người học Phật chúng ta tu gì? Tu thanh tịnh tâm. Dùng phương pháp nào? 8 vạn 4 ngàn pháp môn đều là tu thanh tịnh tâm, đều là tu bình đẳng tâm, đều là tu giác. Đạt được thanh tịnh tâm thì quý vị chứng được quả vị A La Hán. Đạt được bình đẳng tâm là thành Bồ Tát rồi. Đại triệt đại ngộ, đó tức là giác, nghĩa là đã thành Phật. Quý vị tu nhân, quả báo đạt được là gì? Đại thừa, đại thừa là trí huệ. “Hoa Nghiêm kinh” nói: ‘tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai’. Đại thừa là trí huệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng, ta hoàn toàn đạt được. Đạt được thanh tịnh tâm, vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc là ở Phương Tiện Hữu Dư độ, thanh tịnh tâm không dễ gì đạt được, đạt được bình đẳng tâm thì phá được 1 màn vô minh, chứng được 1 phần pháp thân, sanh về thế giới Cực Lạc Thật Báo Trang Nghiêm độ. Trong Hoa Nghiêm kinh, Bồ Tát Sơ Trụ trở lên, pháp thân đại sĩ, giống như thành Phật rồi, điều này khó, đây đều cần phải niệm đến nhất tâm bất loạn.

Sự thù thắng nhất của Tịnh Độ tông là Phạm Thánh Đồng Cư độ, vô cùng thù thắng. Nếu chúng ta thật sự muốn cầu vãng sanh đến Phạm Thánh Đồng Cư Độ, thì mỗi người quyết định đều có thể đạt được, thù thắng nhất là chỗ này.

Thế giới Cực Lạc và các thế giới khác không giống nhau, thật giống Hoa Nghiêm kinh nói “nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”, sanh đến Đồng Cư độ đồng thời cũng giống như sanh đến Phương Tiện độ và Thật Báo độ. Vì sao? Vì ở nơi ấy không có

không gian duy thứ, không giống các quốc độ của chư Phật khác, các quốc độ của chư Phật khác thực sự có không gian duy thứ, không đồng không gian duy thứ thì quý vị nhìn không thấy, thế giới Cực Lạc không có. Cho nên mặc dù chúng ta sanh đến Đồng Cư độ, hạ hạ phẩm vãng sanh đến thế giới Cực lạc, ta cũng có thể nhìn thấy Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Thế Chí, ta cũng có thể nhìn thấy Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền. Các vị ấy ở đâu? Họ ở Thật Báo độ, các vị đại Bồ Tát này ở Thật Báo độ cùng với Phạm thánh Đồng Cư độ hạ hạ phẩm, cũng luôn luôn ở chung 1 chỗ, nhân duyên này khó có được lắm! ta thường thân cận các Ngài, thường nghe các Ngài dạy bảo thì tiến bộ rất nhanh, sẽ không thối lui, không có nguyên nhân thối lui, chỉ có hướng lên cao thêm mà thôi. Chư Phật Như Lai là Thầy giáo, chư đại Bồ Tát là học trò, quý vị đi đâu tìm cho ra môi trường tu học như thế này được?

Sanh đến thế giới Cực lạc quyết định 1 đời thành Phật, thọ mạng dài- vô lượng thọ, quý vị nghĩ xem nhân duyên này thù thắng quá, không gặp được là không có phương pháp, sau khi gặp rồi mà ta còn luyến tiếc thế gian này thì sai rồi. Ở thế gian này chỉ cần một việc không buông bỏ thôi thì cơ duyên một đời này luống qua vô ích. Cho nên chúng ta phải triệt để buông xả, một mảy may cũng không luyến tiếc.

Chúng ta sống ở thế gian này, điều quan trọng nhất là cầu được vãng sanh, trước khi chết, thân thể vẫn chỗ này. Cần học Bồ Tát, cố gắng cố gắng khuyên bảo người khác. Phật độ người có duyên, quý vị khuyên người, họ chịu tin tưởng, chịu phát nguyện, thì người này được độ rồi, quý vị đã giúp họ thành Phật. Quý vị đã thành tựu cũng giúp được người khác thành tựu, quý vị giúp người khác càng nhiều càng tốt. Bồ tát Đại Từ dạy chúng ta rằng: ta có thể thật sự khuyên được 2 người vãng sanh, mạnh hơn tự mình niệm Phật. Nếu quý vị có thể khuyên 10 người, 20 người, bạn đến thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà cần lời nói của người nhân gian chúng ta, nhất định khen ngợi quý vị. Mang theo càng nhiều càng tốt, đây là trong kinh Phật nói không giả chút nào.

Ngoài việc tự mình niệm Phật cầu vãng sanh ra, hãy cố gắng giúp người khác, khuyên bảo người khác, khuyên như thế nào? Phải hiện thân thuyết pháp, khi chết không bệnh hoạn, biết trước giờ chết, không bị đau đớn, mình vãng sanh như vậy, mọi người nhìn thấy, đây là thật chứ không phải giả.

Hồi trẻ trước khi tôi còn chưa đến Đài Loan, Ở Hong kong mẫu thân của Hà Thế Lễ, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phụ thân tức sĩ Hà Đông ở Hong kong rất có địa vị, toàn bộ gia đình họ là tín đồ Cơ Đốc giáo thuần thành, dẫu sao họ còn chịu ảnh hưởng nền văn hóa truyền thống xưa, cho nên đối với mẫu thân rất hiếu thảo. Trong nhà có lập bàn Phật, người nào tu người đó, người mẹ hằng ngày niệm Phật, họ thì ngày chủ nhật đến giáo đường, gia đình này rất hòa thuận, có sự giáo dục của truyền thống xưa, khiến họ sống với nhau hòa thuận vui vẻ, khi người mẹ qua đời, liền mở 1 đại hội vãng sanh, bà lão biết trước giờ chết, khi chết bà chết trong tư thế ngồi, báo cho giới báo chí Hong

kong những tin tức này, ngày bà chết, ai cũng đến xem, thật đã chết rồi, cho nên các đài phát thanh đều phát tin, thời đó chưa có ti vi như bây giờ, đó là hơn 30 năm về trước. bà ấy chết đi, cả gia đình Hà Thế Lễ niệm Phật. Quý vị thấy đó, không cần nói năng biểu diễn cho họ xem, quý vị thấy đây là thật chứ không phải giả, sau đó họ đem nhà cửa của mình hiến dâng, tức là Đông Liên Giác Uyển ngày nay, Đông Liên Giác Uyển là nhà của tước sĩ Hà Đông hiến cúng làm đạo tràng Phật giáo. Cả đời bà lão không giảng kinh thuyết pháp, nhưng lần biểu diễn này độ được bao nhiêu người! khiến cho bao nhiêu người niệm Phật nhìn thấy sanh khởi lòng tin, không giả chút nào. Giống như loại phương pháp này, tự mình thành tựu cũng thành tựu người khác, đâu đâu cũng như vậy.

Đây là khoảng hơn 40 năm trước, tôi dạy học ở Phật Quang Sơn, Ở đó có một công nhân, công trình của họ là kết thúc trong 1 năm không gián đoạn, công nhân làm việc ở Phật Quang Sơn là người bản xứ. Một hôm buổi tối chúng tôi dẫn theo mấy học trò, ánh trăng rất đẹp, chúng tôi ngồi trên bãi cỏ thảo luận Phật pháp, người công nhân này đến chỗ chúng tôi, cũng đến nghe pháp, nghe một lúc anh ta nói với chúng tôi, khuyên chúng tôi niệm Phật, anh ta nói niệm Phật là thật, không giả chút nào, anh ta đã tận mắt nhìn thấy láng giềng của anh ta, là 1 bà lão niệm Phật 3 năm, vãng sanh trong tư thế đứng, người bà lão rất từ bi, có lòng quan tâm, vui vẻ giúp đỡ người khác, bà ấy không đi học, không biết chữ, bà lạy Phật, lạy Bồ Tát, cũng lạy thần, bà lạy hết cả, thường thường đi miếu hội. 3 năm trước bà cưới về đưa con dâu, người con dâu này có hiểu đôi chút Phật pháp liền khuyên mẹ chồng chuyên tâm niệm A Di Đà Phật, không cần đi đâu lễ lạy cả, bà mẹ chồng có thiện căn, bà nghe theo lời khuyên của con dâu, liền thiết lập bàn Phật ở trong nhà, mỗi ngày đều niệm A Di Đà Phật. Niệm “A Di Đà Phật”, không tham gia các miếu hội nữa, chuyên tu Tịnh Độ 3 năm. Bà mất vào buổi tối, khi ăn cơm bà lão nói với những trong nhà nói rằng, các con ăn cơm trước, đừng đợi mẹ nghe, rồi bà đi tắm, bà thật sự đã đi tắm, nhưng con trai và con dâu rất hiếu thuận nên vẫn đợi bà, đợi rất lâu mà không thấy bà ra liền đi vào xem sao, thấy mẹ đã tắm xong rồi, gọi thì không nghe tiếng trả lời nên đi tìm bà, cuối cùng thấy bà đứng trước bàn Phật, mặc áo tràng ngay ngắn, trên tay cầm tràng hạt, mặt đối trước tượng Phật, gọi bà không trả lời liền đến bên cạnh nhìn kỹ, bà đã mất. người công nhân này nói với chúng tôi là tận mắt nhìn thấy, không chút giả dối, khuyên chúng tôi phải niệm Phật, phải cầu sanh Tịnh Độ.

Ở Đài Nam, người ở làng Tướng Quân, bây giờ chúng tôi nhắc đến sự việc này, vẫn còn rất nhiều người biết, còn nhớ rất rõ ràng. Cho nên tự mình làm là cảm hóa người khác, quyết định không để bỏ lỡ cơ hội. Trì danh niệm Phật là quán cuối cùng trong Thập Lục Quán kinh. Thứ 16 là trì danh niệm Phật, khuyên chúng ta trì danh niệm Phật, cho nên thù thắng hơn quán tướng và quán tượng niệm Phật, dễ dàng mà vẫn thù thắng.

Thứ 2 “A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni kinh”, khuyên đạo trì danh, trong kinh cũng dạy người trì chú, chú này là chú vãng sanh, có người học. Lúc trẻ tôi giảng kinh ở Đài Bắc, có 1 lão cư sĩ, tuổi trẻ đã học Phật, lúc đó tôi ra giảng kinh là

khoảng trên 30 chưa đến 40 tuổi, lão cư sĩ này khoảng hơn 15 tuổi, cậu ta nhìn thấy trong kinh giảng đọc đủ 30 vạn biến chú vãng sanh là có thể thấy được Phật A Di Đà, cậu ta làm thật, mất một khoảng thời gian rất dài, đọc đủ 30 vạn biến, cậu ta đến nói với tôi rằng, Pháp sư Tịnh Không, trong kinh nói đọc 30 vạn biến thì có thể nhìn thấy Phật A Di Đà, tôi đọc đủ 30 vạn biến rồi sao vẫn chưa thấy Phật? cậu ta đã khởi sanh vấn đề, phương pháp đọc 30 vạn biến như thế nào. Điểm này quý vị phải chú ý, niệm Phật, đọc chú, đọc kinh đều là 1 tiêu chuẩn.

Bồ Tát Đại Thế Chí nói “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tướng đoạn”, đây gọi là niệm Phật, ta niệm 30 vạn biến chú vãng sanh, khi niệm chú vẫn còn vọng tưởng, khi niệm chú còn nghĩ xem có linh hay không linh, như vậy là có vấn đề rồi, làm hỏng hết công phu niệm chú của quý vị rồi, cho nên người xưa nói: đọc kinh không bằng đọc chú, đọc chú không bằng niệm Phật. vì sao? Càng đơn giản càng dễ nhiếp tâm. Kinh văn rất dài, niệm 1 biến từ đầu đến cuối có thể không khởi vọng niệm được không? thật sự không khởi vọng niệm mới gọi là công phu. Trong khi đọc bộ kinh này có rất nhiều tạp niệm trong đó, làm hỏng hết công đức của quý vị, không phải hoàn toàn không có giảm từ từ, cho nên lời chú ngắn, dễ dàng nhiếp tâm, nhưng danh hiệu Phật ngắn nhất, chỉ 4 chữ A Di Đà Phật, hy vọng trong 4 chữ này không có tạp niệm, cái này dễ hơn chú vãng sanh nhiều, chú vãng sanh khó hơn niệm Phật. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, nhất định phải yêu cầu chính mình, thời khóa sáng chiều cũng tốt, ngày thường tán niệm cũng cần chú ý không xen tạp, phải chú ý điều này.

Khi suy nghĩ vấn đề gì nên dừng niệm Phật, sau khi suy nghĩ xong rồi thì niệm danh hiệu Phật trở lại, không thể vừa niệm Phật vừa nghĩ đến sự việc, vừa niệm Phật vừa làm việc, nếu công việc đó không cần trí óc thì được, không trở ngại gì, nếu phải suy nghĩ thì ảnh hưởng đến việc niệm Phật, điều này chẳng thể không biết được.

Tuyệt đối không được nói: pháp môn có vấn đề, kinh chú có vấn đề, cái đó không có vấn đề, mà là chính chúng ta dụng tâm không đúng, vấn đề phát sanh là ở chỗ này. Đây là nói đến trì chú, trên thực tế người xưa nói rất hay, 4 chữ A Di Đà Phật này là tiếng Phạn, không có dịch ra, giống như chú vậy! đạo lý này không thể không biết được.

Thứ 3 “*Hoa Nghiêm kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm*”, *thập đại nguyện vương, đạo quy cực lạc*, cho nên người hậu sanh này là Ngụy Nguyên, tức là Ngụy Mặc Thâm đem quyển Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm -quyển cuối cùng, rút ra từ “*Hoa Nghiêm kinh*” phụ ở phía sau Tịnh Độ Tam kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ kinh. Nếu như sau này quý vị ở đâu đó thấy Tịnh Độ Tứ kinh thì biết rằng vì sao có thêm 1 kinh, có thêm Hạnh Nguyện phẩm. Thời đại Hàm Phong cư sĩ Ngụy Mặc Thâm thêm vào trong đó.

Thứ 4 “*Hậu Xuất A Di Đà Phật Kệ kinh*”, bộ này toàn bộ là kệ tụng, gồm có 56 câu, trong ấy có hai câu thế này: *Phát nguyện dụ chư Phật, thế nhị thập tứ chương*. Phát nguyện này là Phật A Di Đà Phát nguyện. Dụ tức là nói với tất cả chư Phật Như lai, trên

thực tế tức là hôm nay chúng ta nói Ngài làm báo cáo, báo cáo với chư Phật. Ngài phát nguyện lớn, 24 nguyện. *Dữ bản kinh Hán Ngô lưỡng dịch trung, A Di Đà nhị thập tứ nguyện tương đồng.*

Thứ 5 “*Thủ Lăng Nghiêm Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông chương*” khuyến đạo chúng sanh ỷ Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai tất định kiến Phật, dĩ niệm Phật tâm, nhập vô sanh nhẫn. Ngài dạy chúng ta phương pháp niệm Phật “đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đều là trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông dạy.

Thứ 6 “*Bát Châu Tam Muội kinh*” hậu Hán Nhục Chi tam tạng Chi Lô Ca Sám dịch, kinh này còn có 1 tên khác gọi là “*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ kinh*” đây là bộ kinh dị dịch, cũng là đồng 1 bản tiếng Phạn nhưng không đồng bản dịch.

*Kinh chủ cứu thập nhật vi nhất kỳ, bất tọa bất ngọa, tu Phật lập Tam muội.* Pháp môn này không dễ tu, vì sao vậy? một kỳ là 90 ngày tức là 3 tháng. 3 tháng không ngủ, không được ngồi, chỉ đi, nhiễu Phật, được đi, được đứng, không ngồi, không nằm. Tu pháp môn này phải có sức khỏe tốt, trẻ tuổi có thể được, tuổi lớn rồi thì rất khó khăn, khoảng dưới 40 tuổi thì được. 40 tuổi trở lên thể lực không tốt, quý vị sẽ không tu được.

Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham vấn, tham vấn, vị thứ nhất là tỳ kheo Cát Tường Vân, Ngài tu là pháp môn này, gọi là “Phật lập tam muội”, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh tây Phương Tịnh Độ. Cho nên xem 53 lần tham vấn này dụng ý rất sâu! Trung Quốc và Ấn Độ đều có khái niệm như vậy, vào trước là chủ. Thiện tài trong hội Văn Thù Bồ Tát thành tựu trí tuệ căn bản, thành tựu trí tuệ căn bản như thế nào? chấp trước được buông xả, đắc tâm thanh tịnh. Phân biệt được buông xả, đắc tâm bình đẳng, vọng tưởng được buông xả, khởi tâm động niệm được buông xả, thành vô thượng chánh đẳng giác. Trên đề kinh này, Ngài đạt đã được thanh tịnh bình đẳng giác. Người xưa nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong hội Hoa Nghiêm đây là sơ trụ Bồ Tát, pháp thân đại sĩ. Thiện Tài Đồng Tử trong hội Bồ Tát Văn Thù chứng được quả vị này, là Sơ trụ của Viên Giác, cho nên thầy giáo biểu Ông đi tham học, quý vị phải biết, điều kiện chân chánh tham học là chỗ này, chưa kiến tánh thì không có tư cách để tham học, minh tâm kiến tánh mới có tư cách tham học.

Dụng ý tham học ở chỗ nào? Tham học là phá trừ tập khí vô minh, vô minh được phá rồi, khởi tâm động niệm được buông xả rồi, vẫn còn tập khí, tập khí phải làm sao? Trong tham học phải đoạn trừ tập khí, cho nên tham học gọi là trải sự luyện tâm, lúc đó phải chịu được sự khảo nghiệm. không kể thuận cảnh hay nghịch cảnh, thầy giáo khích lệ quý vị đi tiếp xúc, cảnh giới bên ngoài không ảnh hưởng bạn. Ở trong tất cả cảnh giới, có thể đem tập khí vô minh của quý vị tự nhiên loại bỏ đi. Thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn. Cho nên 53 lần tham vấn, 53 vị đó đều là Bồ Tát, là Phật cả. Vậy thiện tri thức không phải 1 người bình thường, là chư Phật Như Lai hóa thân đến. Hóa

thân thế nào? Nam nữ lớn nhỏ, các ngành các nghề. Trong đó có thiện có ác. Trên thực tế thì xã hội ngày nay, chúng ta bước vào xã hội, từ sáng đến tối tiếp xúc với những người này, đó là 53 lần tham vấn. Mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng có thể không động tâm chăng? Nếu có thể không động tâm, không khởi tâm, không động niệm thì mới có tư cách tham học. nếu một khi khởi tâm động niệm lúc đó bị cảnh giới chuyển rồi. Cho nên tham học không phải là chuyện đơn giản. Tham học thành tựu hậu đắc trí, căn bản trí là bát nhã vô trí, đó là gì? Đó là định công, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, căn bản trí. Tham học thì sao? Tham học là hậu đắc trí, vô sở bất trí. Có phải học vô sở bất trí ở trong cảnh giới hay không? không phải vậy, cảnh giới hiện tiền, trí tuệ ta sanh khởi, không có cảnh giới, tâm địa trong sạch, một chút suy nghĩ cũng không có, không phải học từ bên ngoài, không phải vậy, cái này không được nghĩ sai. Khi đối diện với tất cả các cảnh giới, tự nhiên ta phát sanh trí huệ để đối ứng nó, Quyết định không sanh phiền não. Phiền não là gì? Là thất tình ngũ dục, thuận cảnh sanh tham ái, nghịch cảnh sanh oán hận, không sanh cái này, nó sanh trí tuệ, chúng ta không thể không biết những đạo lý này.

Ngày nay chúng ta có tham học chăng? không có, chúng ta tùy duyên tùy biến. Thiện Tài Đồng Tử tức là trong “Hoàn Nguyên Quán”, trong tứ đức nói tùy duyên diệu dụng, diệu dụng là sanh trí huệ, quyết định không sanh phiền não. Cho nên lần cuối cùng trong 53 tham vấn là đạo sư Cực Lạc, thập đại nguyện vương Bồ Tát Phổ Hiền, chúng ta xem biểu pháp của Ngài- thi chung, đây nói rõ, Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn gì? Từ đầu đến cuối tu pháp môn niệm Phật, giống như thầy giáo niệm A Di Đà Phật cầu sanh tịnh Độ, nói cho chúng ta sự việc như vậy. tiếp xúc với tất cả thế giới Ngài mới có thể rộng độ chúng sanh, không có pháp môn nào mà Ngài không biết, chỉ cần tiếp xúc là hiểu rõ. Sanh trí huệ không sanh phiền não.

“ *Thiên Thai xưng chi vi thường hành tam muội*”, đây là lời Trí Giả đại sư xưng tán họ. “ *xướng danh quán niệm*”, xướng danh tức là niệm Phật, quán niệm Phật A Di Đà.

Thứ 7, *Vãng Sanh Luận, Bồ Tát Thiên Thân tạo, xướng Ngũ Niệm pháp môn, cầu sanh Tịnh Độ, Tịnh Độ tông Tam kinh nhất luận*, Nhất luận là bộ này, đây là kinh điển cơ bản của Tịnh độ tông.

Trong “Vãng Sanh luận” nói rằng: *tu ngũ niệm môn, thành tựu giả tất cánh đắc sanh An Lạc quốc độ*, Quốc độ An Lạc này tức là thế giới Cực lạc. “*kiến bỉ A Di Đà Phật*”.

Ngũ niệm là gì?

Thứ nhất là “*lễ bái*”, lễ bái là tu tâm cung kính, cho nên phải biết rằng cung kính tâm là tánh đức. Cùng 1 ý nghĩa với lễ kính chư Phật trong thập đại nguyện vương Bồ



Tát Phổ Hiền. Trong lễ kính chư Phật giảng tam thế, Phật quá khứ, Phật hiện tại và Phật vị lai. Phật quá khứ, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu cho chúng ta. Có “Quá khứ Thiên Phật Danh kinh”. Phật hiện tại, như Phật Lô Xá Na. Trong “Hoa Nghiêm Kinh” nói, A Di Đà Phật của thế giới Cực lạc là Phật hiện tại. Thế Tôn cũng giới thiệu cho chúng ta Tam Thiên Tôn Phật danh, Phật hiện tại, Phật vị lai. Những vị nào là Phật vị lai? Tất cả chúng sanh đều là Phật vị lai, chúng ta phải dùng thái độ như thế nào để đối đãi với tất cả chúng sanh? chúng ta dùng thái độ như thế nào để đối với Phật A Di Đà thì nên dùng tâm thái đó đối đãi với tất cả chúng sanh, đây gọi là lễ kính chư Phật. Chúng ta nhìn người này không thuận mắt, nhìn người khác thấy ghét, thì nhìn thấy Phật chúng ta thấy ghét. Nhất định phải biết họ vốn là Phật, hiện tại thì sao? Hiện tại họ vẫn là Phật, chẳng qua họ còn điên đảo mê hoặc mà thôi. Chúng ta không nên nhìn cái mê hoặc điên đảo của họ, phải nhìn tự tánh của họ, họ vốn là Phật, điểm này vô cùng quan trọng, làm cho cái tâm cung kính này của chúng ta sanh khởi, tâm cung kính là tánh đức, chúng ta mê mất tự tánh cho nên mới phân các loại sai biệt, giác ngộ rồi là bình đẳng.

Thứ hai là “*xung tán*”, quý vị xem giống với Hoa Nghiêm kinh Thập Đại Nguyên Vương. Xung tán Như Lai, lễ kính không phân biệt, cúng kính tất cả. Tán thán thì khác, tương ứng với tánh đức thì tán thán, không tương ứng với tánh đức thì không tán thán. Cho nên trong 53 lần tham vấn của Thiện Tài, có vài vị thiện hữu hành vi không tốt, tham sân si, quý vị xem Thiện Tài cung kính, có cúng dường nhưng không tán thán. Thiện pháp tương ứng với tánh đức, ông có lễ kính, có tán thán, có cúng dường, khác biệt nhau ở chỗ này, vì vậy chúng ta phải tu tập.

Người này là người xấu, người xấu làm việc tốt, việc là việc tốt thì nên tán thán họ, tán thán họ 1 công việc. Họ làm là việc xấu, không tán thán, không nói, không phê bình, nếp sống xã hội mới có thể đoan chánh. Người làm những việc bất thiện này, họ sẽ hổ thẹn, bạn xem tôi làm chút việc tốt, mọi người tán thán tôi, nhưng khi làm việc xấu thì họ không nói gì cả, họ đều có thể bao dung, có thể tha thứ cho tôi, thì họ sẽ quay đầu.

Nhất định phải có thiện tâm thiện nguyện, giúp đỡ người khác, quay đầu là bờ, không nên chỉ trích, khi chỉ trích họ sẽ khởi ác cảm. Chẳng những không thể tiếp nhận mà càng sanh khởi tâm oán hận, việc đó phiền phức rồi, mình đã gây oán kết với họ, sau này ở trong lục đạo oan oan tương báo không bao giờ dứt. Tuyệt đối không được gây oán kết với người khác, nếu bị hại, bị hại cũng không oan kết. Hai ngày trước tôi ở Indonesia, có một vị đồng học hỏi tôi, đại khái là có người lừa gạt anh ta, đã gạt anh ta không ít tiền, anh ta muốn tìm luật sư tố cáo để đòi tiền lại, anh ta hỏi tôi : Con làm như vậy đúng không? tôi nhìn anh ta, anh ta là một nhà xí nghiệp rất giàu có, tôi nói chút tiền đó đối với anh thì không là bao, anh sử dụng hay họ sử dụng đều như nhau cả, hà tất phải tính toán? Đây mới gọi là học Phật. Nếu thật sự anh không có tiền mà bị người

ta lừa gạt, có chút ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, tôi thấy anh không giống vậy, anh là trưởng giả đại phú, gạt anh vài trăm vạn không bao nhiêu cả, thôi đi, đừng truy cứu nữa, nếu thật sự anh không bỏ được thì kiếp sau họ cũng sẽ trả lại cho anh. Cho nên chân chánh hiểu được nghiệp nhân quả báo, tâm của mình sẽ buông bỏ hết. Người thế gian có chịu thiệt thòi không? không có, một cái thiệt thòi cũng không có, Có bị lợi dụng không? một người cũng không lợi dụng được. Không bị lợi dụng cũng không bị thiệt thòi. Đời này mình lợi dụng họ, đời sau phải trả lại cho họ, phải trả thêm lợi tức nữa. làm gì có bị lợi dụng! hiểu rõ đạo lý này thì tâm anh sẽ định, không bị ảnh hưởng cảnh giới bên ngoài, anh sẽ vui sống vẻ hạnh phúc. Khi nhìn thấy họ, anh hỏi họ đạo này có khỏe không, việc lừa gạt số tiền đó, một câu cũng không nhắc đến giống như không có chuyện gì cả, là anh đã có chút trí huệ. Nhìn thấy liền nổi giận, là anh chưa bỏ được phân biệt chấp trước. cảnh giới này đang khảo nghiệm công phu của anh, anh không đạt tiêu chuẩn, anh còn nhớ mái cái chuyện này, không đạt tiêu chuẩn.

Thứ ba là “*phát nguyện*” phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc.

Thứ tư là “*quán sát*”.

Thứ năm là “*hồi hướng*”.

Ngũ niệm môn. Quán sát tức là tác quán trong chỉ quán, cũng là thông thường chúng ta nói, chúng ta đã hiểu rõ sự thật chân tướng rồi, hết thấy nhân, hết thấy sự, hết thấy vật, tánh tướng lý sự nhân quả, đều rõ ràng, đều tường tận. đây gọi là đã khai mở trí huệ, đem công đức sở tu của mình, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, hôm nay đặc biệt hồi hướng các chúng sanh khổ nạn trên toàn thế giới, hóa giải thiên tai, bất luận tín ngưỡng tôn giáo nào cũng tốt, pháp môn bình đẳng không có cao thấp, nên đem tích lũy công đức tu hành của mình hồi hướng, cầu nguyện. Trong tôn giáo nói cầu nguyện, cầu nguyện thế giới hòa bình, cầu nguyện hóa giải thiên tai.

Thứ 8 “*Vãng Sanh Luận Chú*”, đây là cổ chú. Bắc Ngụy sau thời Nam Bắc triều, Đàm Loan đại sư thời Bắc Ngụy viết. Hiện tại đều thu thập trong sách Tịnh Độ Tông, học Vãng Sanh Luận, chú này tham khảo vô cùng quan trọng. Trước kia tôi giảng vãng sanh Luận cũng xem bộ chú giải này.

Thứ 9 “*Du Tâm an Lạc Tập*”, đây cũng là *Đường triều Đạo Xước đại sư đại đích trước tác*, cũng đồng loại với bộ kinh này của chúng ta.

Dưới đây là giảng “*Đới Thuyết Tịnh Độ Kinh Luận*” đây là bổ sung thêm, đây thì nhiều quá, có khoảng hơn 100 loại, ở đây lão cư sĩ lược ra 20 loại, luận này nổi tiếng hơn, cũng là các đại đức tổ sư của Tịnh Độ tông, thường trích dẫn khi giảng kinh thuyết pháp.

*Phục hữu chư kinh luận, tuy bất chuyên luận Tịnh Độ, đăn diệc đởi nhiếp xưng tán Cực lạc, khuyến đạo vãng sanh, kỳ trung chiếu trước giả, minh hiển đích, chúng sở châu tri, giá lược cử kỳ chủng* Ở đây lược cử vài loại, như “*Pháp Hoa kinh*”, “*Bi Hoa Kinh*”, “*Tùy Nguyên Vãng Sanh kinh*”, “*Văn Thù Thuyết Bát Nhã Kinh*”, “*Mục Liên Sở Vấn kinh*”, “*Thập Vãng Sanh kinh*”, “*Quán Phật Tam Muội Kinh*”, “*Phật ký Văn Thù đương sanh Cực lạc*”, “*Văn Thù Phát Nguyên Kinh*” cầu sanh *Cực Lạc thế giới*, “*Nhập Lăng Nghiêm kinh*”, *Phật ký Long Thọ, sanh Cực lạc quốc*. Long Thọ Bồ Tát cũng vãng sanh thế giới Cực lạc. “*Tỳ Bà Sa luận*” là tác phẩm của Long Thọ đại sư, “*Đại Trí Độ luận*” cũng là Bồ Tát Long Thọ trước tác. “*Đại Thừa Khởi Tín Luận*” Mã Minh Bồ Tát vân vân.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết quyển chú giải này, trích dẫn kinh có 83 loại, luận trước có 110 loại, tổng cộng là 193 bộ, trong chú giải này, cho nên chúng ta học chú giải này, lần này phát tâm học chú giải này, cũng bằng học 193 loại kinh luận, không dễ chút nào! Lão cư sĩ viết bộ chú giải này, được làm tài liệu tham khảo rất nhiều. Tôi nghĩ đó cũng là nhờ Phật Bồ Tát gia trì, quá khó quá khó! Cần phải có rất nhiều người sưu tập tài liệu tham khảo khắp nơi tặng cho ông ta, tôi đến nhà của ông ta, nhìn vào trong phòng sách nhỏ, thấy chất đầy sách, rất nhiều sách đều là sách cổ xưa, tôi nói ông từ đâu đến ông ta cũng không biết, thật là Tam bảo gia trì.

“*Tịnh Độ Kinh Luận Ước bách số thập bộ*” ở đây ông ta trích dẫn là 193.

“*Dĩ thượng tựu bốn kinh bộ loại*”, đồng loại, đồng bộ. “*dữ đởi thuyết Tịnh tông kinh luận lược cử kỳ yếu, chỉ ư mật bộ hữu quan tịnh tông chi diễn tịch, vi số thượng đđa, quân vị liệt nhập*”. Lão cư sĩ Hoàng là Kim Cang thượng sư của mật tông, trong Mật tông có tu Tịnh Độ, ở đây không trích dẫn.

Đoạn thứ tám dưới đây “*Dịch hội hiệu thích*”, trong này nói 4 việc. ‘*Dịch*’ là phiên dịch “*chỉ cho bản dịch gốc*”. ‘*Hội hiệu*’, hội là hội tập, “*chỉ cho các bản do căn cứ các bản dịch gốc mà hội tập*”, đây gọi là bản hội tập. *Hiệu* là hiệu đính, có 1 loại là của cư sĩ Bành Tế Thanh. “*Thích*” là giải thích, tức là chú giải, chỉ cho các bản chú thích của kinh này, tức là chú giải.

Đoạn thứ nhất dưới đây, “*Giáp, bản kinh dịch bản*” bản phiên dịch. “*kinh nãi ngã Phật lũ thuyết. chư sư cạnh dịch, đông lai tối tảo, dịch bản đđộc đđa*”. Bốn câu này là cư sĩ Mai Quang Hi nói trong lời tựa. Phật Thích Ca Mâu Ni không phải một lần mà nhiều lần tuyên giảng, sau đây giới thiệu cho chúng ta, nhiều lần tuyên giảng. Sau khi lưu truyền đến Trung Quốc, pháp sư dịch các kinh này nhìn thấy đều rất hoan hỷ, đều làm công việc này, cho nên từ nhà Hán đến nhà Tống 8 triều đại, cũng khoảng 800 năm, gồm có 20 loại phiên dịch, có thể nói phiên dịch Vô Lượng Thọ kinh nhiều nhất, có 20 loại gọi là ‘*đông lai tối tảo*’, truyền đến Trung Quốc vào triều đại nhà Hán. ‘*Dịch bản*

độc đa' là riêng mình nó có rất nhiều bản dịch. Có thể nói Vô Lượng Thọ kinh là thứ nhất.

“*Tự Hán ngữ Tống, phàm thập nhị dịch, Tống nguyên nhi giảng, căn tồn ngữ chủng*” cũng tức là nói, trong 20 loại đó có 7 loại bị thất truyền. Người xưa biên dịch bộ Đại Tạng kinh, bắt đầu từ triều Tống mới thu thập lại 1 chỗ. Trước đó không có thu thập, cho nên rất dễ thất lạc, bởi vì quá ít bản. Lúc đó kinh bản toàn là sao chép bằng tay, không có máy in.

Dưới đây là giới thiệu bản dịch này. Loại thứ nhất, đây là giảng trước cái hiện còn, “*‘Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh’*. *Hậu Hán Nhục Chi*”, Nhục Chi là tên của 1 nước, là Tân Cương bây giờ. “*Sa môn*” là người xuất gia, *Chi Lôu Ca Sám dịch u Lạc Dương, dĩ hạ giản xưng “Hán dịch”*, bộ kinh này bây giờ có trong Đại tạng kinh, bảo tồn có 5 loại, dựa theo triều đại trước sau mà xếp theo thứ tự.

Thứ nhất là, “*Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh*”.

Thứ 2 “*‘Phật thuyết A Di Đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật đàn Quá Độ Nhân Đạo kinh’*. *Nhất danh ‘Vô Lượng Thọ kinh’*. *Nhất danh ‘A Di Đà kinh’*”. “Ngô”, nước Ngô là thời Tam quốc Ngụy Thục Ngô. Nước Ngô thời Tam quốc, cũng là 1 cư sĩ tại gia, ưu bà tắc là cư sĩ, ông là người Nhục Chi, là Tây Vực “*‘Chi Khiêm Tự Cung Minh’ phiên dịch. Dĩ hạ giản xưng ‘Ngô dịch’*”. Đề kinh của bộ kinh này, đều là dùng Phạn văn âm dịch.

‘Phật thuyết Chư Phật A Di Đà’ A Di Đà Phật trên tất cả chư Phật, đây là có ý nghĩa. Vì sao? ‘*A Di Đà thị nhất thiết Phật đích tổng danh hiệu*’. quý vị nghĩ xem, A Di Đà không phải không thể dịch, có thể dịch được. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là giác, Vô Lượng Giác. Quý vị nói xem có vị Phật nào không phải là Vô Lượng Giác chăng? Hiểu rõ rồi niệm 1 câu A Di Đà Phật này, là niệm đầy đủ đến hết thấy chư Phật, một vị cũng không sót, không những Phật quá khứ mà Phật hiện tại và cũng ở vị lai Phật. Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật Như Lai là tổng danh xưng, lại là tự tánh danh xưng.

‘Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đàn’ đây là 1 trong 10 hiệu của Như Lai, 10 hiệu nay phần sau trong kinh văn sẽ giảng đến, trong 10 hiệu có Chánh biến tri, dịch thành chữ Hán là chánh biến tri. Chánh là chánh giác, không sai chút nào. Biến là biến tri, như chúng ta nói, hậu đắc trí trong trí huệ, bát nhã vô tri, vô sở bất tri, đây là ý nghĩa vô sở bất tri.

‘*Dã hữu đẳng giác chánh dịch ý tư*’, chánh đẳng giác này, trên thực tế chúng ta thường nói. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có ý nghĩa này ở trong đây.

Hai chữ ‘quá độ’ dưới đây, là ý nghĩa tự độ độ tha. Mình tự độ mình rồi cần phải độ người. Cho nên nói ‘Quá độ Nhân đạo kinh’. Nói cách khác. Kinh này là một bộ kinh điển nói về A Di Đà Như lai tế độ. Cứu tế, độ hóa chúng sanh, đây là đại ý đề kinh.

Loại thứ ba gọi là “*Vô Lượng Thọ kinh*”. “*Tào Ngụy*”, đây cũng là thời Tam Quốc, thời Tam quốc nước Ngụy, “*Ấn Độ sa môn Khương Tăng Khải dịch u Lạc Dương Bạch Mã tự, dĩ hạ giản xưng ‘Ngụy dịch’, hiện tồn ngũ chủng nguyên dịch bản*”, bản này lưu thông rộng nhất, ông dịch rất tốt.

Loại thứ tư “*‘Vô Lượng Thọ Như Lai Hội’, Đường triều nam Ấn Độ tam tạng pháp sư Bồ Đề Lưu Chí phiên dịch*”, bản này trích từ “*Bảo Tích kinh*”, cho nên một hội trong Bảo Tích kinh, là Vô Lượng Thọ Như Lai. “*dĩ hạ giản xưng ‘Đường dịch’*”. ở sau giảng đến Đường dịch đều là nói bộ này.

Loại thứ năm “*‘Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh’ Tống triều thời hậu Tây Vực sa Môn Pháp Hiền dịch, dĩ hạ giản xưng ‘Tống dịch’*”, đây là “*hiện tồn ngũ chủng*”. chúng ta có thể thấy được 5 loại bản dịch gốc “*Vô Lượng Thọ Kinh*”.

“*Chi u dật chi thất chi thất chủng. cứ ‘Khai nguyên thích giáo lục’*”, ‘Khai nguyên thích giáo lục’, ‘thích’ là Thích Ca Mâu Ni, ‘Thích giáo’ tức là Phật Giáo, là mục lục của kinh tạng. Đây là mục lục kinh tạng sớm nhất. Trong mục lục có nhưng sách không có, không tìm thấy sách, cho nên trong mục lục thu lại vẫn còn 7 loại. Dưới đây liệt kê ra.

Loại thứ nhất gọi là “*‘Vô Lượng Thọ Kinh’ nhị quyển. Hán triều An Tức quốc sa môn An Thế Cao dịch*”, bộ kinh này thất truyền thật đáng tiếc. vì sao? An Thế Cao dịch rất tuyệt vời! thời kỳ đầu khi dịch kinh, Ngài thật là giỏi nhất, dịch rất hay. Người ngoại quốc đem kinh Phật dịch thành chữ Hán, khiến người Trung Quốc thấy vô cùng hoan hỉ, trước kia là An Thế cao. Sau này là Cưu Ma La Thập. Kinh này mất đi thật đáng tiếc.

Loại thứ hai là: “*‘Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh’ nhị quyển*”. đây cũng là “*Tào Ngụy*” Tam Quốc thời đại. thời đại Tam Quốc, Tào Ngụy. “*sa môn*” người xuất gia này, “*Bạch Diên dịch u Lạc Dương Bạch Mã Tự*”.

Loại thứ ba là “*‘Vô Lượng Thọ Kinh’ nhị quyển, Tấn triều, sa môn Trúc Đàm Ma La Đa*”, Tấn ngôn, tiếng Trung quốc gọi là Pháp Hộ, là ngài dịch vậy.

Loại thứ tư “*‘Vô Lượng Thọ Chí Chơn Đẳng Chánh Giác Kinh’ nhị quyển*”. có tên gọi khác là “*Lạc Phật Độ lạc Kinh*”. “*Nhất danh ‘Cực Lạc Phật Độ Kinh’*”. Đông Tấn Tây Vực sa môn Trúc Pháp Lực dịch”.

Loại thứ năm “ ‘*Tân Vô Lượng Thọ Kinh*’ hai quyển, *Đông Tấn Ca La Vệ La quốc*”, đây là người Ấn Độ, “*sa môn Phật Đà Bạt Đà La, Tấn ngôn Giác Hiền dịch u Đạo Tràng tự*”. Các vị pháp sư này ở Trung Quốc dịch rất nhiều kinh, nhưng Vô Lượng Thọ kinh đã bị thất truyền.

Loại thứ 6 cũng là “ ‘*Tân Vô Lượng Thọ Kinh*’ lưỡng quyển, *Tống Lương Châu sa môn Bảo Đàm dịch u Đạo Tràng tự*”.

Loại thứ bảy cũng là “ ‘*Tân Vô Lượng Thọ Kinh*’ nhị quyển” cũng là “*Tống Kế Tân quốc*” tức là Tân Cương ngày nay. Chỗ này là Tân Cương ngày nay, Đây là người xuất gia “*Đàm Ma la Mật Đa*”. Pháp Tú dịch thành chữ Hán, là ngài dịch vậy. “*dĩ Thượng khuyết thất giả thất*”, đây là 7 loại bản dịch.

*Liên tiền tồn thế dĩ ngữ, thế xương thập nhị đại dịch, thật tắc bát đại*, là 8 triều đại 20 loại phiên dịch.

Phía dưới ngài nói, “*kế Hán đại, hậu Hán nhị chủng. thời Tam Quốc, Ngô hữu nhất chủng, Ngụy hữu nhị chủng, Tây Tấn hữu nhất chủng, Đông hữu nhị chủng, Lưu Tống nhị chủng. Đường Triều nhất chủng, Triệu Tống hữu nhất chủng. cái dịch thời, phân tại bát đại, dịch bản tắc vi thập nhị chủng*”, Đây là đem bản dịch Vô Lượng Thọ kinh, giới thiệu sơ lược.

“ ‘*Chân Giải*’ vân”, “Chân Giải” là pháp sư Đạo Ân người Nhật Bản, làm chú giải “Vô Lượng Thọ kinh”, tên là “Chân Giải”, trong đây có mấy câu như thế này, “*Phàm u chư kinh trung truyền dịch thanh vô như kim kinh, tư nãi dĩ xuất thế chánh ý, lợi ích vô biên cố dã*”. Các vị pháp sư người Nhật này, họ dùng kinh bản Vô Lượng Thọ kinh, phần lớn đều là bản của Khương Tăng Khải, cho nên Ngài nói ‘kim kinh’, đều là chỉ bản dịch của Khương Tăng Khải, Ở Nhật bản rất thịnh hành. Hai câu trong này vô cùng quan trọng “*xuất thế chánh ý, lợi ích vô biên*”, đây là nói pháp môn Tịnh Độ hết sức thù thắng.

“ ‘*Hội Sơ*’ dã thuyết”, ‘Hội Sơ’ cũng là pháp sư Tuấn Đế người Nhật Bản, chú giải của Ngài, “*Phàm u chư kinh trung truyền dịch thanh nhiên vô như kim kinh, tư nãi đạo lý u thúy lợi ích tối thượng cố dã. ‘lưỡng sơ đồng nhất trác kiến’*”, câu nói này là lời bình của Thầy Hoàng Niệm Tổ. Nhật Bản 2 loại chú giải có cùng một nhận định ‘Lợi ích tối thượng, lợi ích vô biên’.

“*Tồn thế ngữ chủng, sai dị giáo trước*” tức là hiện tại trong đại tạng kinh, có 5 loại bản dịch gốc, nội dung sai biệt rất rõ.

“*Bất tợ A Di Đà kinh chi lưỡng dịch dữ Kim Cang kinh chi lục dịch, kỳ văn chi tường lược tuy sao hữu dị nhi nội dung thật thị tương đồng*”. Lấy ví dụ, Kinh Kim Cang ở trong Đại tạng kinh có 6 bản dịch, 6 bản phiên dịch, hiện tại lưu thông rất rộng rãi,

mọi người rất hoan hỉ đọc là của Đại sư Cưu Ma La Thập dịch, La Thập dịch rất hay, ý dịch, Ngài không phải trực tiếp chiếu theo văn tự dịch, lấy ý nghĩa của kinh văn dùng ngôn ngữ của mình, cũng chính là dùng ngữ khí của người bản địa để dịch. Cho nên chúng ta xem đặc biệt lưu loát, không khác gì văn của mình viết vậy.

“*kim kinh ngữ dịch*” tức là 5 loại bản dịch này, “*bất đản văn tự tường lược sai biệt huyền thù, thả nội dung thâm quảng diệc phục hữu dị . liệt như Di Đà Nhân Địa Đại Nguyện*”. đây là điều vô cùng vô cùng quan trọng.

“*Hán Ngô lưỡng dịch nhị thập tứ nguyện. Tống dịch vi tam thập lục nguyện. Ngụy Đường lưỡng dịch thì vi tứ thập bát nguyện*”. sai biệt lớn như vậy.

“*Thả nguyện chi nội dung, các dịch diệc phục bất đồng, khả kiến xuất nhập chi cự*”. cự là to lớn.

“*hiện thể lưu truyền, Ngụy dịch giáo quảng*” bản này của Khương Tăng Khải lưu rất rộng rãi.

“*‘Chân Giải’ chỉ xuất, dĩ Hán Ngô lưỡng dịch, đối hiệu Ngụy bản, thô cử đại giả, kế hữu bát dị*” tức là chỗ bất đồng, rõ ràng 8 điểm không giống nhau.

“*Như dữ Đường bản đối kiểm lược hữu thất dị, kim bất tường lược*”, đây tức là nói rõ trong 5 loại bản dịch gốc sai biệt rất lớn.

“*chỉ ư Tống dịch, dữ chư dịch sai dị cách đại*”. Đây là vấn đề lớn, nếu như bản gốc tiếng Phạn là một loại, người phiên dịch phải là đại thể tương đồng, không khác nhau nhiều. Có khác nhau nhiều, vấn đề này ở đâu? “*chư dịch hà dĩ bất đồng*”, ‘chư dịch’ này là nói 5 loại bản dịch hiện còn của chúng ta, vì sao không đồng.

“*Thanh Trầm Thiện Đăng cư sĩ ‘Báo Ân luận’ viết*”, ông trước tác 1 bộ sách “Báo Ân luận”, bây giờ giảng là luận văn, luận văn học Phật của ông. Trong đó có một đoạn như thế này: “*kỳ sở dĩ bất đồng chi cố, lược khảo chư kinh, ước hữu tam đoạn*”. Khảo là khảo sát 5 bản kinh này, chúng ta gọi là khảo cứ, 5 bản kinh này, ít nhất có 3 nguyên có thể nói rõ:

Thứ nhất “*dịch thủ xảo chuyết bất đồng*” đây là nói người phiên dịch.

Thứ hai “*Phạn bản truyền tả bất đồng*”, đó tức là không phải một bản tiếng Phạn.

Thứ ba là “*bản sư tiền hậu đa thứ tuyên thuyết bất đồng*”, điều này vô cùng quan trọng. *Bốn sư tam bách dư hội pháp, ký đa chỉ quy Tịnh Độ, tắc tự nhiên lý thuyết bất nhất thuyết. nhi diệc tùy thời tùy cơ, khai thông đại ý, y nghĩa bất y ngữ, hiển nhiên khả tri cố tri Vô Lượng Thọ kinh nãi Phật đa thứ tuyên thuyết, Phạn bản bất nhất, dịch giả sở cử bất đồng, thả dịch bút chi xảo chuyết hữu sai, ư thị dịch văn tự nhiên sai dị dã.*

Đây là quan điểm của cư sĩ Trầm Thiện Đăng, trong này ông nói điểm thứ 3 vô cùng quan trọng, là người phiên dịch căn cứ bản gốc tiếng Phạn khác nhau, cho nên mới có sai lầm lớn như vậy, nếu như là 1 bản tiếng Phạn, thì có lẽ không có hiện tượng này.

Phía trước nêu kinh Kim Cang có 6 loại phiên dịch, bản gốc là 1 loại, quý vị xem hiện tại 6 loại phiên dịch nội dung đại thể tương đồng, không có sai khác lớn như thế. 4 bản Vô Lượng Thọ kinh này, trong đó khác nhau rất nhiều, cho nên phán đoán ít nhất ba bản không giống nhau.

Đây là nói khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, giảng kinh thuyết pháp đều là giảng 1 lần, không có giảng lại lần thứ hai, chỉ riêng bộ kinh này, bây giờ xem như vậy ít nhất giảng qua 3 lần, mất rồi vẫn còn 7 loại. Nếu như bây giờ còn 7 loại đó, có thể còn có sai khác. Đây là nói rằng Phật Thích Ca Mâu Ni nói ít nhất 3 lần trở lên. Đó biểu thị tánh quan trọng của bộ kinh này, có thể phổ độ hết thấy chúng sanh. đệ nhất pháp trong tất cả pháp pháp môn, hết sức thù thắng, cho nên thường nói, mỗi một lần giảng không thể hoàn toàn tương đồng, giống như chúng ta học Vô Lượng Thọ kinh, tôi học bản này tức là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, tôi dùng bản này giảng bộ kinh này. Trước đây đã giảng qua mười lần, mỗi một lần không giống nhau. Cho nên có học trò đến nói với tôi, cần đem những điều trước đây tôi giảng viết thành giảng ký, tôi nói được, tốt nhất là hội tập, đem 10 loại bản của tôi trước đây, mọi người đều xem xem, chỗ không giống nhau đều trích ra, vậy thì viên mãn hơn, lần này là lần thứ 11, lần thứ 11 chúng tôi thay đổi phương pháp, giảng chú giải, giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là kỷ niệm trước đây ngày chúng tôi quen nhau, rất không dễ dàng. Khi đó, ở trong nước giảng bản này chỉ một mình ông, không có người thứ hai. Ở hải ngoại giảng bản hội tập này chỉ có một mình tôi, cũng không có người thứ hai, chúng tôi gặp mặt nhau vô lượng hoan hỷ. Chúng tôi trao đổi tâm đắc về tu học, giảng thuật, tôi biết ông khổ cực chú giải bộ kinh này, thân mang trọng bệnh ngày đêm không nghỉ, đem bộ kinh này chú giải hoàn thành, sau khi hoàn thành không bao lâu thì ông mất, ở trong hoàn cảnh như thế quả thật không dễ, đây là oai thần Tam bảo gia trì.

Bản Hội Tập này, bộ chú giải này, khẳng định lưu thông đến cùng khi Phật pháp trên thế gian này mất hẳn.

Ở trong kinh Pháp Diệt Tận Phật bảo chúng ta, pháp vận của Phật một vạn hai ngàn năm, tính từ ngày Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, một vạn hai ngàn năm. Chiếu theo sự ghi chép của người Trung Quốc đại đức ngày xưa, Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến năm nay là 3 ngàn 37 năm, với người ngoại quốc nói không giống nhau, người ngoại quốc nói là hơn 2 ngàn 5 trăm năm, 2 ngàn 5 trăm năm mươi mấy năm. Năm 2006 là 50 năm, ngày nay phải là 54 năm, 2 ngàn 5 trăm 54 năm, chư tổ sư của chúng ta ghi lại là 3 ngàn 37 năm, trong này khác nhau xấp xỉ 5 đến 6 trăm năm, những cái này chúng



ta không cần đi khảo chứng, việc này ai cũng nói không rõ ràng, trừ khi tìm lại Phật Thích ca Mâu Ni, người khác nói là không rõ ràng, đều có căn cứ.

Chúng ta nghĩ đến truyền thừa của pháp môn này, lợi ích vô biên. Từ thời đại hiện nay về sau, chân chánh học Phật có thể đắc độ, tiêu chuẩn đắc độ này, vượt qua luân hồi lục đạo, vượt qua thập pháp giới, chỉ có pháp môn này, nói cách khác chỉ có bộ kinh này, chú giải này, những kinh luận khác tuy nhiều, pháp môn tuy nhiều, không đoạn được phiền não, đây là sự thật, không cần nói phiền não vi tế, phiền não thô trọng nhất, 88 phẩm kiến hoặc, bạn có thể đoạn trừ được không? Có thể đoạn 88 phẩm kiến hoặc mới chứng quả Tu Đà Hoàn, chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, nhưng quyết định không đọa vào ba ác đạo. Tu Đà Hoàn, bảy lần trở lại thiên thượng nhân gian. Đây nói tu hành phải trải qua thời gian dài như vậy. Chứng quả A La Hán mới được vượt qua lục đạo, còn chưa được vượt qua thập pháp giới. Vượt qua Thập pháp giới thì còn phải thời gian rất dài.

Chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, tiểu thừa Tu Đà Hoàn đoạn phiền não, tầng này với trong kinh Hoa Nghiêm, bằng Thập Tín vị Bồ Tát Sơ Tín đoạn chứng, quý vị thấy đó không dễ dàng đâu. Cái đầu tiên trong kiến hoặc là thân kiến. Thân kiến lấy gì làm tượng trưng? nói rất đơn giản, tự tư tự lợi, có người nào có thể đoạn được cái này? Không chấp trước thân này là ta nữa.

Thứ hai, đoạn biên kiến. Biên kiến là gì? Đối lập, cái này mọi người dễ hiểu, quý vị có thể không đối lập với người, không đối lập với việc, không đối lập với tất cả vạn vật .

Thứ 3 là thành kiến, hôm nay chúng ta giảng chủ quan quán niệm, không có rồi, đã buông bỏ. Có thể hằng thuận chúng sanh, không đơn giản! một điều cũng rất khó.

Cho nên lão Hoàng Niệm nói với tôi, tu thiền khó khai ngộ, cũng khó đạt được thiền định. Trước đây còn có thể đạt thiền định, thời nay thiền định khó đạt được. Tu Mật, tam Mật không thể tương ứng, chỉ có Tịnh Độ, cho nên ông đã tham thiền qua, Thầy của ông là Hư Vân lão hòa thượng. Học qua Mật, thượng sư Mật tông- thầy của ông là Cống Cát lão nhân. Cuối cùng ông niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nói với tôi, một ngày 14 vạn tiếng danh hiệu Phật, vạn duyên buông bỏ, ngày đêm không nghỉ, mệt quá rồi thì chợp mắt ngủ một tí, tỉnh dậy thì tiếp tục danh hiệu Phật, 1 ngày 4 vạn tiếng, nghe lời của thầy! Thầy của ông là Hạ Liên Cư. Khi Thầy Hạ qua đời cũng là niệm Phật vãng sanh, lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là thông tông thông giáo, Hiền Mật viên dung. Đến cuối cùng toàn bộ đều chọn Tây Phương Tịnh Độ. Cho nên lần này tôi chọn giảng chú giải này, kỷ niệm lão cư sĩ, ông vất vả cực nhọc, chú giải này cần phải truyền đi, giảng kỹ 1 lần thì có thể truyền đi rồi. cho nên chúng ta đặt tên đề mục là “Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa”, tôi đặt tên đề mục này.

Câu nói này của cư sĩ Trầm Thiện Đăng, chúng ta xem qua rồi. Xem ông nói dưới đây “*trầm thị phục minh Phạn bản dị ngô chi nhân viết*”, trong bản tiếng Phạn này dễ xuất sai lạc. nguyên nhân gì? “*Cái phạn giáp giai tả bản, dị chí thoát ngô*”, Ấn Độ truyền qua là bản gốc tiếng Phạn, tại Cố Cung Bác Vật viện có bảo tồn, có cơ hội quý vị nên xem. Nó được viết ở lá cây Bối Đa La, đem lá cây này, loại lá cây ấy giống như cây chuối tiêu của chúng ta, đem nó cắt từng miếng từng miếng lớn giống nhau, hai bên khoét cái lỗ, dùng sợi dây khâu lại, đại khái 1 mặt có thể viết được 5 hàng, viết thêm trên đỉnh được 6 hàng, hai bên đều viết, cho nên dùng dây khâu lại, rất dễ dàng, dây đứt thì nó rãi ra, rất dễ mất đi. Đây là dễ sai sót.

“*Như Hán dịch Đại bản kinh, nãi nhĩ kiếp thời hạ, thoát ngô số thập tự, hán nghĩa bất quán*”, văn nghĩa này liên kết không được, đây nêu ví dụ, tình hình này rất nhiều.

“*Hựu Tứ Thập Nhị chương tạng bản, tự thị Tứ Thập Nhị Chương kinh*”. Đây là bộ kinh điển thứ nhất dịch tại Trung Quốc, phiên dịch sớm nhất, là từ các kinh trích ra, nó không phải là một bộ kinh, rất nhiều kinh, những điều quan trọng Phật nói, từng điều từng điều ghi chép lại, gồm có 42 đoạn. Ma Đăng và Trúc Pháp Lan, ban sơ họ đến Trung Quốc phiên dịch ra. Bản này đều viết bằng tay.

“*Dữ Thạch Khắc Triệu Văn Mãn tả bản cập tạng ngoại lưu thông các bản, chương tiết tiền hậu đa quả các các bất đồng*”. Cái này sai biệt quá lớn rồi. Chúng ta thấy rất nhiều “*Tứ Thập Nhị Chương kinh*”, cầm xem nội dung không giống nhau. Lúc bấy giờ lưu truyền lại, rất nhiều người sao chép, có người chép sót đi, có người chép nhiều thêm mấy chữ, đây cũng là việc thường có. Cho nên Phạn văn lúc bấy giờ truyền đến Trung Quốc, cũng có tình trạng này, không phải một người viết dài như vậy, một người viết một chút, rất nhiều người viết, có khi có thể liên kết lại với nhau, có khi không liên kết được, nếu trong đó nó mất đi một trang, thì ta không liên kết được rồi.

“*Sở dĩ ‘Tứ Thập Nhị Chương kinh’ nhi dữ Pháp Uyển Châu Lâm sở dẫn hựu bất đồng*”. Pháp Uyển Châu Lâm là trước kia thông thường người đọc sách không có thời gian xem kinh Phật, nhất định xem bộ sách này. Đây bằng như nói là Phật Giáo Bách Khoa Toàn Thư, trong đó phân thành 100 loại. Ở trong mỗi kinh luận thì sao chép lại các thứ. Quý vị cần trích dẫn vô cùng tiện lợi, chúng ta tự tra kinh rất khó, người tra được đều là người biên tập triều Đường, đây thuộc về sách loại.

“*Thả hữ ‘Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa’ sở trích tự, nhi chư bản giai vô giả, đại để thông tập đa, tắc truyền tả đa, nhi đắc thất dị đồng diệc đa*”. Đây là nói rõ nguyên nhân, nhiều người sao chép. Đồng một bản gốc, chúng ta 2 người sao chép, chúng ta đem bản sao đối chiếu, thì của hai người có thể không giống nhau, bản gốc giống nhau, sao thì không giống nhau. Sao sót mất, làm không cẩn thận, hoặc là khi sao chép, âm đọc chúng ta viết chữ khác, cho nên sai chữ, việc này khó tránh được. Đây cũng là nghiên cứu vì sao có những sai lầm lớn như vậy.

“Hựu viết ‘Chân Giải’ vân, dĩ thẩm chư dịch, thị Phạn bản quảng đa, chí sử truyền dịch văn nghĩa, tôn một tường lược bất đồng nhi”. Đây là “Chân Giải” ông ta cũng cảm thấy đại khái nguyên bản Phạn văn truyền đến Trung Quốc, không chỉ 1 loại. cho nên mới phát sanh tình trạng này.

“Tống minh bản kinh vi Phật đa thú tuyên thuyết,” là suy đoán từ kinh điển phiên dịch lưu lại hiện nay, khẳng định kinh này, Phật không chỉ giảng 1 lần.

“thả tụng tập giả đa” là nhiều người đọc tụng, học tập.

“Phạn bản truyền tả giả đa, Phạn bản hữu đa chủng, tôn một tường lược hữu bất đồng, Phạn giáp ta bản hựu dị thoát lạc, cố kim chư dịch bản thậm hữu sai dị”. Trong này có một câu chúng ta cần đặc biệt lưu ý- ‘tụng tập’, thời đại hiện tại này, Phật giáo suy yếu, suy đến mức độ nào? Phật giáo đã biến thành tôn giáo, chúng ta hậu thế đệ tử Phật, không kể tại gia hay xuất gia đều có tội!

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, 37 tuổi khai ngộ liền dạy học, dạy suốt một đời mãi đến khi già chết, không bỏ qua một ngày nào. Ngài dạy học lúc đó dạy học không có văn tự, không có sách vở, các kinh điển này là sau khi Phật diệt độ, chúng đệ tử mọi người cùng đề cử tôn giả A Nan, đem kinh mà Phật còn tại thế đã giảng, đọc lại một lần. Trí nhớ của A Nan rất tốt lại nghe hết toàn vẹn, thị giả của Phật Thích Ca Mâu Ni không rời xa một ngày, phụng dưỡng Phật Đà. Thỉnh Ngài đọc lại, 500 đồng học làm chứng, nghe A Nan đọc mọi người đều gật đầu, đích thực là Phật có nói như vậy, ghi chép lại. Nếu có một người đề xuất ý kiến, hình như không phải như vậy, thì câu nói này không dùng nữa, làm niềm tin cho đời sau. Cho nên kinh điển là gì? Là Phật thích Ca Mâu Ni lúc bấy giờ giáo huấn cho đại chúng. Nghe xong lời Phật dạy phải y giáo phụng hành, y giáo phụng hành là tập, học là lúc thực hành nó, chúng ta mới chân chánh đạt được lợi ích, cho nên kinh không phải để cho chúng ta đọc, đọc là một phương tiện để ghi nhớ nó.

Quan trọng là ở tập, Tập là gì? Biến nó làm thành hành vi sinh hoạt của chính chúng ta, làm thành kiến giải, tư tưởng của chính chúng ta, cái này quan trọng, mọi người chúng ta ngày nay xem Phật như Thần. Sai rồi! Phật không phải Thần, Phật là người, ở trên cách xưng hô rất rõ ràng, chúng ta xưng Phật Thích Ca Mâu Ni là bổn sư, thầy giáo căn bản. Chúng ta tự xưng mình là đệ tử, chúng ta với Phật Thích ca Mâu Ni có quan hệ như thế nào? Quan hệ thầy trò. Trong tôn giáo không có quan hệ thầy trò, Đạo Phật không phải tôn giáo. Học trò bất tài chúng ta đã biến nó thành tôn giáo. Có lỗi với Ngài, như vậy thì có tội lỗi. Ở Trung Quốc lịch sử Phật giáo biến thành tôn giáo rất ngắn. Thầy Lý đã từng nói với tôi, không vượt qua 300 năm, trong lịch sử ghi lại, thời đại Càn Long. Gia Khánh vẫn chưa thay đổi. Tất cả các đạo tràng tự viện am đường này của Phật giáo đều dạy học, đều lên lớp. Cho nên tự viện am đường là trường học, nó với tự viện không liên can. Cho nên nhà Phật gọi là chùa, chùa không phải là miếu,

trong miếu là tôn giáo, đó là cúng Thần, Phật không gọi miếu, Phật gọi là chùa. Chùa là gì? Chùa là cơ quan làm việc của chính phủ, cơ cấu này trực tiếp thuộc về vua quản lý gọi là chùa, bây giờ nếu có cơ hội quý vị đến Bắc Kinh đến Cố Cung xem, sẽ thấy trong Cố Cung rất nhiều cơ cấu làm việc, treo cái bảng đó cũng là dùng chữ chùa. Cho nên Phật giáo gọi chùa, trực tiếp thuộc về vua quản lý. Giáo dục Phật Đà, từ Hán Minh Đế về sau, Trung Quốc là hai thể hệ giáo dục, một là giáo dục của nhà Nho, thuộc về tướng quản lý, cơ cấu này gọi là bộ lễ, lễ bộ là bộ giáo dục, lễ bộ thượng thư tức là trưởng bộ giáo dục. Chùa là giáo dục Phật giáo. Thời đó ngôi chùa thứ nhất là chùa Bạch Mã. Nhớ công của bạch mã, bạch mã chở tượng Phật, có công chở kinh sách, người xưa hiền lành, với súc sanh cũng không quên, nó có công với Phật, cho nên lấy tên của nó đặt là chùa Bạch mã. Đây là giáo dục của đức Phật. Giáo dục của Phật thuộc vua quản lý, không thuộc về tướng quản, quý vị xem thể lệ này mãi đến giai đoạn đầu triều nhà Thanh, Khang Hi, Ung Chính, Càn Long đến Gia Khánh, họ đối với Nho Thích Đạo đều thật sự bỏ nhiều công sức. Trong cung đình những tài liệu giảng kinh này, đều ở trong “Tứ khố”. Tôi thấy Tứ khố, thường thường đem các thứ này lật lại xem coi lúc bấy giờ trong cung đình nói như thế nào, đều tồn tại, giảng nghĩa đều tồn tại, đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng, cho nên Phật giáo giảng nghĩa không ở Tứ khố, tại “Đại tạng kinh”, đặc biệt biên soạn một bộ “đại tạng kinh”.

Của Đạo giáo thì ở “Tứ khố”, Nho và Đạo đều ở trong “Tứ khố”, chỉ có Phật giáo là ngoại lệ, đây đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng. Ngày nay chúng ta có sứ mạng, chân chính làm đệ tử Phật phải đem nền giáo dục Phật giáo khôi phục, cho nên chúng ta gọi là giáo dục của đức Phật. Gọi Phật giáo, mọi người sẽ nhầm sẽ nói Phật giáo là tôn giáo, thêm hai chữ, đây là bất đắc dĩ, giáo dục Phật Đà. Chúng ta ngày ngày cùng nhau học tập, đây không phải mê tín. Bây giờ trở thành như thế nào? Người học tập quá ít. Người mang danh nghĩa Phật giáo buôn bán nhiều quá rồi, cái này chúng ta cũng không cần nói nữa, không cần nhắc lại nữa, tự mình siêng năng nỗ lực làm là được. Nhất định phải tìm người cùng chung chí hướng làm hi sinh phụng hiến, làm đệ tử chân thật của Như Lai, sứ mạng công đức này không thể nghĩ bàn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

## **HẾT TẬP 72**